

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN PHỔI HÀ NỘI
Số: 347 /BVPHN- DVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vv mời báo giá vật tư y tế và khí y tế,
hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm
chẩn đoán năm 2025

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp vật tư y tế và khí y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm chẩn đoán tại Việt Nam

Bệnh viện Phổi Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá kế hoạch gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế và khí y tế, Hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm chẩn đoán năm 2025 cho Bệnh viện Phổi Hà Nội, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi Hà Nội

2. Các đơn vị có nhu cầu tìm hiểu thông tin xin liên hệ: Khoa Dược – VTYT

Số điện thoại: 0243.9715.853

Email: khoaduocphoihn@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư 813 tầng 8 nhà A. Số 44 đường Thanh Nhân, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (từ 08h đến 16h từ thứ 2 đến thứ 6 trong giờ hành chính)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h ngày 11 tháng 4 năm 2025 đến trước 10h ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 22 tháng 4 năm 2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Các nhà cung cấp quan tâm gửi báo giá theo Danh mục hàng hóa (Phụ lục 01, 02) Báo giá bằng tiền Việt Nam Đồng đã bao gồm thuế VAT và tất cả các chi phí liên quan.
- Mẫu báo giá: Phụ lục 03
- Căn cứ vào năng lực của các nhà cung cấp, các nhà cung cấp có thể báo giá theo phần hoặc theo từng mặt hàng của danh mục hàng hóa mời báo giá.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, DVT

GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Văn Đông



Phụ Lục 03: Mẫu báo giá

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá sinh phẩm hóa chất và vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho Vật tư y tế và khí y tế, Hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm chẩn đoán năm 2025:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Đặc tính kỹ thuật	Năm sx	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ, có VAT)
1									
2									
n	...								

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngày ...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá. Giá trên đã bao gồm toàn bộ phí và các chi phí khác liên quan.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 01: GÓI THẦU SỐ 01: VẬT TƯ VÀ KHÍ Y TẾ NĂM 2025
 (Đính kèm Thư mời báo giá Số: **3A7** / BVPHN-DVT ngày **14** tháng 4 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
I	Phim chụp Xquang				
1	Phim X Quang 14x17inch	100 tờ/hộp	Tờ	Công nghệ in nhiệt kỹ thuật số trực tiếp . Độ đậm độ quang học tối đa ≥ 3.2 . Phim gồm 4 lớp: lớp nền PET dày 168 μm , lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m ² , lớp bảo vệ trong suốt và lớp nền dưới. Độ dày phim: 200 - 210 μm . Tương thích với các dòng máy in Agfa Drystar. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ Châu Âu	3,000
2	Phim XQ 8 x 10 inch	100 tờ/hộp	Tờ	Công nghệ in nhiệt kỹ thuật số trực tiếp . Độ đậm độ quang học tối đa ≥ 3.2 . Phim gồm 4 lớp: lớp nền PET dày 168 μm , lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m ² , lớp bảo vệ trong suốt và lớp nền dưới. Độ dày phim: 200 - 210 μm . Tương thích với các dòng máy in Agfa Drystar. Đạt tiêu chuẩn CE. Xuất xứ Châu Âu	30,000
	Cộng: 02 khoản				
II	Vật tư cho thiết bị chẩn đoán, Khám bệnh				
3	Bơm tiêm cân quang 200ml	50 bộ/ thùng	Bộ	Dùng cho máy chụp cắt lớp 32 lát cắt (Gồm: 01 xilanh 200 ml; 01 dây nối xoắn 100cm; 01 ống hút thuốc) Phù hợp với máy bơm viện sử dụng.	200
4	Giấy in ảnh siêu âm	10 cuộn/ hộp	Cuộn	Tương thích để sử dụng trên cả máy in Sony. Giải màu xám hiển thị rõ nét với độ phân giải cao. Độ bền hình ảnh tốt. In ra bản in tương đương với bản gốc. Kích thước: 110mmx20m	240
5	Giấy điện tim 6 cần	Giấy a5/tập	Tập	110mmx140mm x142 tờ	500
6	Giấy điện tim 12 cần	200 tờ / tập	Tập	210mmx280mmx200 tờ	100
7	Giấy in máy đo chức năng hô hấp	Hộp 10 cuộn	Cuộn	Kích thước khoảng 11cm x20m, ,Sử dụng cho đo chức năng hô hấp	500
8	Ống thổi giấy đo chức năng hô hấp	Hộp 100 cái	Cái	Sử dụng máy đo chức năng hô hấp, đường kính 27mmx 75 mm	10,000
9	Phin lọc máy gây mê	1 cái/hộp	Cái	Hiệu quả lọc vi khuẩn, lọc vi rút 99,9999% • Mức độ ẩm cao • Kết hợp với màng lọc vi khuẩn chống nước. • Vô trùng • Nắp đậy cửa lấy mẫu định liền theo chuẩn. • Mức ẩm đầu ra cao (> 33mgH ₂ O / L) • Môi trường HME Xenulozoa hút ẩm. • Thở tích lưu thông khí (ml): 150-1500, khoảng tĩnh (ml): 53, Sức cản đồng chảy: 30 L / phút 9,4 mm H ₂ O 60 L / phút 23,2 mm H ₂ O. 90 L / phút 42 mm H ₂ O Trọng lượng: 30 gam Hiệu suất tạo ẩm: 38,6mgH ₂ O / L (@500 ml tid. Vol.).	250
10	Ống nối máy thở	Túi 1 cái	Cái	.Nguyên liệu không chứa cao su. Đầu nối tiêu chuẩn 22F-15F.	500
11	Giấy in nhiệt (các cỡ)	Hộp 5 cuộn	Cuộn	Sử dụng cho máy xét nghiệm nước tiểu, khí máu và tương đương,chiều rộng từ 56 mm đến 76mm, chiều dài tối thiểu 20m	60

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
	Cộng : 09 khoản				
III	Vật tư sử dụng trong chăm sóc người bệnh				
12	Bơm tiêm 1 ml	Hộp 100 Cái	Cái	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml, cỡ kim 26Gx1/2". Chất liệu nhựa y tế không có chất DEHP, không buốt, không gây độc. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485 và CE hoặc tương đương	10,000
13	Bơm tiêm 5ml	Hộp 100 Cái	Cái	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485 và CE hoặc tương đương	80,000
14	Bơm tiêm 10 ml	Hộp 100 Cái	Cái	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485 và CE hoặc tương đương	180,000
15	Bơm tiêm 20 ml	Hộp 50 cái	Cái	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485 và CE hoặc tương đương	40,000
16	Bơm tiêm điện 50 ml	Hộp 25 cái	Cái	Bơm tiêm nhựa 50ml, Tương thích với máy bơm tiêm điện. Được sản xuất bằng nhựa y tế không có chất DEHP. Tiệt trùng bằng khí E.O gas. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, ISO 13485 và CE.	5,000
17	Bơm cho ăn 50 ml	Hộp 25 cái	Cái	Bơm tiêm bằng nhựa y tế nguyên sinh, 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn. Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng, đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	1,000
18	Bơm tiêm 1ml tráng Heparin	100 cái/hộp	cái	Bơm tiêm tráng Heparin	2,500
19	Kim bướm	Hộp 100 cái	Cái	Có các số 18- 25G. Màu sắc của cánh bướm cho biết kích cỡ của kim. Đầu nối, được làm bằng nhựa trong y tế cao cấp ABS. Dây dài 30cm nguyên liệu PVC y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.	50,000
20	Kim lấy máu, lấy thuốc các cỡ	Hộp 100 cái	Cái	Kim các số, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	240,000
21	Kim chọc dò gây tê tủy sống các cỡ	Hộp 25 cái	Cái	Kim gây tê tủy sống đầu kim có 3 mặt vát sắc dài 88mm. Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra.	150
22	Kim luồn tĩnh mạch các số	Hộp 50 cái	Cái	Kim luồn kiểu hình bút, đóng gói đơn chiếc bằng vỏ nhựa. Kim sắc số 18G x 2", 20G x 2", 22G x 1", 24G x 3/4". Có 3 vạch sợi X-ray, tác dụng cân quang và tăng cứng dai cho đầu Silicon. Tiệt trùng 2 lần bằng chùm điện tử và khí EO.	4,000
23	Dây truyền dịch (có kim 2 cánh bướm)	Túi 1 bộ	Bộ	Dây truyền dịch có màng lọc có kèm kim cánh bướm 23G hoặc 25G Được khử trùng bằng khí EO, không độc không gây sốt . Đạt TC ISO 13485	100,000
24	Dây truyền dịch	Túi 1 bộ	Bộ	Dây truyền dịch có màng lọc. Được khử trùng bằng khí EO, không độc không gây sốt . Đạt TC ISO 13485	70,000
25	Dây hút nhớt các cỡ (không nắp)	Túi 20 cái	Cái	Các số 5, 6,8,10,12,14,16,18. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Dài 500mm.	3,000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
26	Dây thở oxy	Túi 25 cái	Cái	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485: hoặc tương đương.	12,000
27	Dây nối bơm tiêm điện	Hộp 100 cái	Cái	Chất liệu PVC y tế trong suốt, không độc tố. Kích thước LD 1.0mm, chiều dài các cỡ 150cm, 140cm, 75cm.	5,000
28	Ống nối chữ I	Túi 1 cái	Cái	Chất liệu bằng nhựa, để nối các đầu ống hút	500
29	Ống nối chữ Y	Túi 1 cái	Cái	Chất liệu bằng nhựa, để nối các đầu ống hút	100
30	Ống dẫn lưu màng phổi	Chiếc	Chiếc	Ống dẫn lưu phổi không nòng trocar các số có trocar với đầu cắt ba mặt, thành ống linh hoạt cung cấp giao diện mở/ ống chống rò rỉ và vết sửa dễ dàng. Đầu nhọn để chèn dễ dàng và an toàn, mặt chéo để tránh hút mô và có đường cân quang. Ống được đánh dấu độ sâu định vị chính xác ở mỗi cm bắt đầu từ 2cm tính từ đầu xa.	600
31	Ống hút dùng trong phẫu thuật	Túi 1 bộ	Bộ	Các cỡ, bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	350
32	Dây hút dịch dùng trong phẫu thuật	Túi 1 bộ	Cái	Dây hút dịch dùng trong phẫu thuật dẻo dai và độ đàn hồi Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	1,200
33	Ống nội khí quản margill	Túi 1 cái	Cái	Chất liệu nhựa PVC cao cấp. Đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0.	600
34	Ống nội khí quản 2 nòng	Túi 1 cái	Cái	Bóng khí quản và phế quản áp lực nhỏ. Bóng chèn làm từ silicone tương thích sinh học cao - là loại vật liệu sinh học cao cấp giúp dễ dàng chèn ống vào cơ thể bệnh nhân . Độ dài ống 436 (420mm ± 5%)	160
35	Túi đựng nước tiểu	Túi 1 cái	Cái	Dung tích 2000ml, có bảng ghi thông tin bệnh nhân. Van xả thoát đáy chữ T, gồm 2 loại có quai treo và không có quai treo; Tiệt trùng bằng khí EO.	300
36	Sonde dạ dày	Túi 25 cái	Cái	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	300
37	Sonde Foley 2 chạc	Túi 1 cái	Cái	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Nguyên liệu 100% cao su.	300
38	Mask Thở Ôxy Người Lớn + trẻ em	Túi 1 Bộ	Bộ	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn. Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m.	600
39	Mask khí dung người lớn+trẻ em	Túi 1 Bộ	Bộ	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt. Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài 2 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	4,500
40	Bộ mặt nạ thở mũi miệng	Túi 1 bộ	Bộ	Chất liệu PVC, mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn.	10
41	Bộ dây máy thở dùng 1 lần	Túi 1 bộ	Bộ	Bộ dây máy thở sử dụng một lần loại 2 bể nước dài 1.7/1.8m có nút chữ Y. Đường kính trong 15mm, đường kính ngoài 22mm.	450
42	Bộ sonde hút đờm kln	Hộp 10 bộ	Bộ	Ống hút đờm kín 14Fr có 2 cổng . Chiều dài ống dây là 54 cm. Đánh dấu độ sâu ống hút đến 40cm. Được làm chất liệu PVC y tế.	300

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
43	Bông thấm nước	Túi 1 kg	Kg	Được làm từ 100% bông tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, 9001 hoặc tương đương	240
44	Bông tiết trùng 3cmx 3cm	50g/ gói	gói	Chất liệu 100% bông xơ thiên nhiên, có độ thấm hút cao. Bông được cắt thành miếng nhỏ kích thước 3cm x 3cm	3,800
45	Gạc phẫu thuật ổ bụng 10cm x 10cm 6 lớp	Gói 10 miếng	gói	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Tiết trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: 10x10 cm x 6 lớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP; Chứng nhận CE	22,000
46	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm*40cm*6 lớp	Gói 10 miếng	gói	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiết trùng bằng khí EO.Gas.Kích thước: 30x40 cm x 6 lớp - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP; Chứng nhận CE hoặc tương đương	1,300
47	Gạc cầu Fi40 x 1 lớp vô trùng	Gói 5 miếng	gói	Kích thước fi 40 mm, tiết trùng bằng khí EO-Gas. Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận FDA hoặc Chứng nhận CE	50,000
48	Băng cuộn xô 10cm x 5m	10 cuộn/Túi	Cuộn	Gạc hút nước dệt bằng sợi cotton 100%; Vải trắng không hồ, không mùi vị, không dính xơ bụi. Chiều dài: 5.0m ± 0.2m, chiều rộng: 10cm ± 0.4cm.	200
49	Găng khám	Hộp 50 đôi	Đôi	Chất liệu cao su thiên nhiên. Chiều dài tối thiểu 240, chiều rộng từ 76 ± 3 mm đến 113 ± 3 mm độ dày ngón tay và lòng bàn tay tối thiểu 0.08mm.Trước khi lão hóa tối thiểu 650% và sau khi lão hóa tối thiểu 500%.	240,000
50	Găng tiết trùng	Hộp 50 đôi	Đôi	Chất liệu cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. Được khử trùng bằng tia Gamma hoặc ETO. Chiều dài tối thiểu 280.	8,000
51	Găng tay không bột tal	Hộp 50 đôi	đôi	Găng tay cao su y tế dài 240 mm không bột, chất liệu từ latex cao su thiên nhiên	3,000
52	Cán dao mổ điện	1cái/ túi	Cái	Đùng trong phẫu thuật	200
53	Tấm trải Nilon vô trùng (100x130)cm	Túi 1 cái	Cái	Tấm trải Nilon vô trùng (100x130) cm	800
54	Sáp cầm máu	Hộp 6 miếng	Hộp	Dùng cho cầm máu, trong phẫu thuật	2
55	Bộ van bình ẩm đồng hồ ô xy	1 Bộ/ Hộp	Bộ	Đùng để lắp vào bình oxy 5;10;40 lít. Có van, lưu lượng kế và bình ẩm	10
56	Bình tạo ẩm oxy	1cái/ túi	cái	Chất liệu: Thân bình polyethylene dung tích 200ml, nắp bình polycarbonate. Kích thước ren 9/6" x 18N	70
57	Cassette tiêu bản (có nắp)	Cái/ túi	Cái	Chất liệu nhựa, kích thước ≥ 2,5x2cm	2,000
58	Ống nghiệm chống đông EDTA dạng phun sương	Khay 100 ống	Ống	Ống nghiệm EDTA K2 kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	48,000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
59	Ống chống đông heparin các cỡ	Khay 100 ống	Ống	- Ống nghiệm Heparin kích thước 13x75mm; sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.	50,000
60	Ống chống đông Natricitrat	Khay 100 ống	Ống	Ống nghiệm Sodium Citrate từ 3,2%- 3,8% kích thước 13x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế.F85	1,000
61	Ống đựng máu huyết học có nắp	Khay 100 ống	Ống	Kích thước 12x75(mm). Nắp màu đỏ. Vật liệu làm ống nhựa PP	1,000
62	Lưỡi dao cắt bệnh phẩm	Hộp 50 cái	Hộp	Chất liệu thép không gỉ, dùng để cắt bệnh phẩm trong giải phẫu bệnh	2
63	Hộp an toàn	Túi 1 cái	Cái	Chất liệu: Giấy Duplex kháng thấm. Màu sắc: Màu Vàng Y tế. Kích thước: 150 x 120 x 270mm. Dung tích: 5L.	1,600
64	Ống nghe	Hộp 1 cái	Cái	Trọng lượng: 182 gr. Chiều dài dây nghe: 52cm – 60cm.	20
65	Máy đo huyết áp	Túi 1 bộ	Bộ	Khoảng đo huyết áp từ 0-300mmHg. Khoảng đo nhịp tim từ 30-180. Độ chính xác: +/- 3mmHg huyết áp, +/- 5% nhịp tim.	30
66	Bao đo huyết áp	1 cái/Túi	cái	Chất liệu nylon, PU, không chứa latex. Kích thước 25-35cm x 4mm x 8mm. Số ống khí 1 dây.	45
67	Bộ sinh thiết starcut bán tự động các cỡ từ 16 đến 20	Túi/ Bộ	Bộ	Dùng sinh thiết xuyên thành ngực. Kim cấu tạo gồm 3 bộ phận: 01 kim dẫn đường, 01 kim sinh thiết, 01 khóa an toàn. Tay cầm bằng nhựa. Thân kim bằng thép không gỉ, có đánh dấu chiều sâu thâm nhập (mỗi vạch 1cm). Kim có kênh hút dịch (tùy chọn). Có 2 nấc cho chức năng lấy mẫu: 11 mm và 22 mm. Đường kính kim: 14/16/18/20G. Chiều dài kim: 90/130/160/220 mm (Khoa Ngoại dùng 160mm). Đóng gói tiệt trùng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	200
68	Dây garo có dính	Gói 10 cái	Cái	Chất liệu thun cotton dài 25 cm, rộng 2,5cm có khóa và dính bằng dính 2 đầu	200
69	Nhiệt kế thủy ngân	12 cái/hộp	Cái	Dùng để đo nhiệt độ cơ thể khoảng đo từ 35°C đến 42°C. Gồm 2 phần: Phần cảm nhận nhiệt độ là bầu đựng thủy ngân và phần hiển thị kết quả là thang chia vạch.	50
70	Ambu bóp bóng người lớn, trẻ em	1 cái/ Túi	Cái	Một bộ dụng cụ bao gồm túi chứa oxy, mặt nạ và dây dẫn oxy làm bằng nhựa PVC. 100% nhựa y tế PVC. Không Latex.	10
71	Đèn đặt ống nội khí quản	Bộ	Bộ	Bộ đặt nội khí quản người lớn với nguồn sáng chân không . Bóng đèn được thiết kế dễ dàng tháo lắp ở đầu lưỡi. Lưỡi đèn làm bằng thép không gỉ bề mặt được đánh bóng, dễ lau chùi. dễ dàng đặt ống nội khí quản và quan sát tốt.	9
	Cộng : 67 khoản				
IV	Vật tư y tế thông thường khác				

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
72	Băng dính lụa 5cm x 5m	Hộp 6 cuộn	Cuộn	Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - tiêu chuẩn CE - EU - Được lưu hành tại các nước liên minh châu Âu, kích thước 5cm x 5m.	4,000
73	Băng phim dính y tế trong suốt	100 miếng/ hộp	miếng	kích thước 6cmx 7cm, 100 miếng/ hộp	3,000
74	Lam kính mài	Hộp 72 cái, thùng 50 hộp.	Hộp	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm.	1,000
75	Lưỡi dao mổ các số	Hộp 100 cái	Cái	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đóng gói 1x100 cái/hộp. TC ISO 13485:2016.	400
76	Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Ví 1 bộ	Bộ	1. Kích thước 7Fr x 20cm, lưu lượng các nòng Distal: 52ml/min, Proximal: 26ml/min, Midal: 26ml/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao . Một bộ bao gồm: Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, đường cán quang rõ nét. Kim dẫn đường chữ Y , cỡ 18GA , Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol), đầu chữ J, Ống nong cỡ 8Fr , 1bơm tiêm 5ml, 1 lưỡi dao mổ ,1 kẹp giúp cố định ống Catheter, 1 kim tiêm nhỏ . Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE	100
77	Ống dẫn lưu màng phổi có nòng troca	túi 1 cái, hộp 25 cái	cái	Ống thông màng phổi kèm theo nòng Troca, đã tiệt trùng. Chất liệu PVC không có DEHP. Có các số: FG 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40. Có một đầu thon dần giúp nối dễ dàng với bình hút dịch. Một đầu có đánh số từ mức 5, 10, 15, 20cm để xác định độ sâu của vị trí chọc tới. Đóng gói 25 cái/hộp. TC ISO 13485:2016 - EC	200
78	Thiết bị cảnh báo nhiệt độ, độ ẩm tự động	Hộp 1 cái	cái	Cảnh báo nhiệt độ, độ ẩm khi quá ngưỡng cài đặt	4
79	Nhiệt kế treo tường (nhiệt ẩm kế)	Hộp 1 cái	cái	Đo nhiệt độ: từ -30 đến 50 độ C; đo độ ẩm từ 20 đến 100%	7
80	Túi đựng thuốc có nắp dính các cỡ	1000 cái / túi	Cái	Túi đựng thuốc có nắp dính. Chất liệu PET chịu nhiệt, chịu lực. Đóng từng túi riêng biệt. Kích thước 14x 10 cm.	170,000
81	Dây truyền máu	15 bộ/ túi,	bộ	Đầu cầm nhựa cứng có màng lọc khí, KT lỗ lọc 3,0µm dây 4.7-10.0mils. Khóa hãm ABS. Ống dây chất liệu PVC S1000 dài 1500mm chuẩn USP và ISO 10993. Bầu lọc dài 8.7cm trong suốt, có 2 ngăn, màng lọc ngăn trên có lỗ lọc KT 200 micron. Kim 18Gx1 1/2.	240

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
82	Ba chạc không dây	Hộp 100 cái	Cái	Khóa 3 chạc có 2 lỗ thông trong và 1 lỗ thông ngoài. Có van bầu khí đúng chính xác tại mỗi vị trí để đảm bảo độ chính xác. Quay 360 độ. Khóa xoay, chống lipid. Khí nén: lên tới 0.6kg/ 15 giây. Khí hydro tĩnh: lên tới 1.5kg/5 phút. Khối lượng khoảng không chết: ≤0.1ml. Mô men xoắn: ≤0.15N.m. Tỷ lệ dòng chảy: ≥198ml/min. Tiệt trùng, không gây sốt. Đạt TC ISO 13485:2016, TC EC.	4,000
83	Canuyn mayo	Túi 1 cái	Cái	Có các cỡ từ 4.0 đến 12.0 cm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ.	400
84	Canuyn mở khí quản	Hộp 1 cái	Cái	Được làm bằng nhựa PVC không độc. Đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Đầu cổ dài 240 cm. Không có cao su. Có các số từ 5,0 đến 9,0.	20
85	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Túi 1 Cái	Cái	Kích thước 14G x 20cm, lưu lượng nòng 120mm/min. Catheter chất liệu TPU (Thermoplastic Polyurethanes) tự động làm mềm dưới nhiệt độ 37 ° C, tính tương hợp cao . Một bộ bao gồm : Thân catheter có vạch đánh dấu độ dài, có đường cân quang rõ nét, 1 Kim dẫn đường chữ Y, cỡ 18GA, Dây dẫn hướng Guide wire kích cỡ 0.032"x60cm, có nắp bảo vệ (Polypropylene), thân dây dẫn làm bằng thép không gỉ (nitinol) đầu chữ J , Ống nòng cỡ 8Fr , 1 bơm tiêm 5ml, 1 lưới dao mổ , 1 kẹp, 1 kim tiêm nhỏ . Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE 2764.	200
86	Miếng dán điện cực theo dõi bệnh nhân	10 miếng/túi	miếng	Điện cực đo điện tâm đồ ECG dùng một lần cho Monitor theo dõi bệnh nhân – Độ bám dính cao – Chết kết dính tương thích sinh học đạt chuẩn y tế	4,000
Cộng : 08 khoản					
V	Vật tư cho Vi sinh				
87	Đầu tip có lọc 1000µl vô trùng	Hộp 100 cái	Hộp	Dùng hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cây hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử. Đầu tip 1000ul, màu trắng, có đầu lọc được đựng trong hộp nhựa. Sản phẩm đạt chứng chỉ ISO 13485	120
88	Đĩa Petri 90x15	500 đĩa/thùng	Đĩa	Dùng cho việc điều chế các đĩa thạch 90mm để nuôi cấy vi khuẩn. chỉ dùng một lần. Được chế tạo thích hợp cho độ môi trường bằng phương pháp thủ công hay bằng máy tự động	2,000
89	Que cấy nhựa vô trùng 10ul	Túi 1 cái	Cái	Nguyên liệu nhựa ABS, đầu que cấy 10µl. Tiệt trùng bằng chiếu xạ tia gamma. Đóng gói túi 2 cái	5,000
90	Pipett nhựa tiệt trùng	1 cái/ túi	Cái	1 cái/ túi tiệt trùng. Chất liệu nhựa PP. Chiều dài toàn phần 157mm, thể tích hút 1-3ml. Dùng hút vô trùng một thể tích mầm cây hay bệnh phẩm	10,000
91	Đầu tip có lọc 100µl vô trùng	96 cái/hộp	Hộp	Đầu côn có lọc, kiểu Gilson, 100 µl, không RNase, Dnase. Đóng gói hộp 96 cái. Tiệt trùng	10
92	Cốc đom	500 Cái/thùng	Cái	Chất liệu nhựa màu trắng, có nắp, dùng đựng bệnh phẩm Kích thước ≥ 60x 35mm, dung tích ≥ 30ml.	30,000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
93	Ống nghiệm nhựa chia vạch 50ml	Hộp 25 cái	Cái	Chất liệu nhựa PP đã được tiệt trùng, dùng 1 lần, không chứa chất gây sốt, không chứa Rnase- Dnase. Tốc độ ly tâm tối đa: 17000 vòng/ phút, chịu được nhiệt độ từ 80° C tới 120° C. Thể tích ống 50ml, đáy nhọn. Chiều dài: 114,4mm, đường kính ngoài: 29,1mm vòng/phút. Đường kính nắp: 34,7 mm.	30,000
	Cộng: 06 khoản				
VI	Vật tư cho Kiểm soát nhiễm khuẩn				
94	Băng keo thử nhiệt hấp ướt	kích thước (24mm x 55m)x20 cuộn/ thùng	Cuộn	Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua tiệt khuẩn. Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có vạch mực chỉ thị hóa học. Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn. • Thành phần: - Giấy crepe bão hoà 40-50%, Chất kết dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Mực chỉ thị hơi nước 0.5-2%. - Không chứa mùn cao su tự nhiên. - Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì. • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485-2016	150
95	Chỉ thị hóa học đơn thông số hấp ướt Comply Steristrip	240 que/hộp	que	Chỉ thị hóa học hơi nước • Phản ứng với hơi nước, thời gian và nhiệt độ • Kiểu đục lỗ ở giữa cho phép sử dụng toàn bộ hoặc nửa chiều dài cho kích thước gói khác nhau • Kích thước: 1.5cm*20cm • Dùng được cho tất cả lò hấp hơi nước trọng lực hoặc hút chân không 121-134°C • Mực chỉ thị hóa học chuyển từ trắng sang đen khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn • Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng • Thành phần: Chỉ Carbonate Hydroxide 0.5-0.9%, Giấy >99% • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016	11
96	Chỉ thị hóa học đa thông số 1243A	200 cái/túi	Cái	Đặt bên trong gói dụng cụ để xác định tiệt khuẩn hơi nước đạt hay không. Kiểm soát đồng 3 thông số • Kích thước: 5.1cm x 1.9cm • Hiệu suất tương quan với một chỉ thị sinh học • Kiểm soát chất lượng tiệt khuẩn gói dụng cụ của tất cả các chu trình tiệt khuẩn bằng hơi nước từ 121-135°C • Đọc kết quả với thiết kế vạch màu dịch chuyển qua ô màu xanh lá được đánh dấu ""ACCEPT"" là đạt hoặc ô màu đỏ được đánh dấu ""REJECT"" là không đạt. • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn • Thành phần: - Giấy 55-65%, Acrylate Adhesive 35-45%, Nhôm <0.1%, Polypropylene <0.1%, Coatings <0.01%, Mực <0.1% • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016"	2,500

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
97	Túi ép đet dùng trong hấp tiệt trùng (20cm x 200m)	2 cuộn/thùng	Cuộn	Có ≥ 3 đường hàn nhiệt. Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy: 60 g/m2, có độ bền cơ học cao. Lực chịu xé tối thiểu 70 mN. Màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày ≥ 40 μm. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.	5
98	Túi ép đet dùng trong hấp tiệt trùng (30cm x 200m)	2 cuộn/thùng	Cuộn	Có ≥ 3 đường hàn nhiệt . Gồm 2 lớp: 1 lớp giấy, 1 lớp phim. Lớp giấy: 60 g/m2. Màng film hai lớp: PET dày 12 μm và CPP dày ≥ 40 μm. Lực chịu xé tối thiểu 90 mN. Phù hợp cho hai loại tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO.	4
99	Băng mực	1 băng/túi	băng	dài 9cm	10
100	Chỉ thị hóa học đa thông số dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp	250 miếng/hộp	miếng	Chỉ thị hóa học dùng cho máy tiệt khuẩn bằng Hydrogen Peroxide - Kiểm soát chất lượng gói dụng cụ đối với các máy và chu trình tiệt khuẩn Hydrogen Peroxid • Cấu tạo: - Màng film • Kích thước: 1,9cm x 5,1cm - Công nghệ mực dịch chuyển, màu của chỉ thị sẽ dịch chuyển dần từ xanh dương sang hồng dọc theo dải chỉ thị. - Dễ đọc kết quả, thay đổi màu - Sau khi sử dụng, chỉ thị sẽ không thay đổi màu trong vòng 6 tháng • Thành phần: - Polyester Film <52%, Mực <2%, Giấy 11%, Polystyrene Film 32%, Acrylate Adhesive <3%. - Không chứa cellulose • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016	500
101	Túi đựng dụng cụ tiệt trùng Tyvek 200mm x70m	4 cuộn/ thùng	cuộn	Cấu tạo: gồm 2 mặt; một mặt bằng PET/PE; Polyester 12μm và Polyethylene 48μm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp, độ dày 155μm; Lực chịu xé tối thiểu 90 mN. Chỉ thị màu từ đỏ sang xanh, phù hợp với phương pháp tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma, H2O2; Độ dính cao, dễ hàn với tất cả các loại máy hàn túi. Cỡ 200mm x 70m	4
102	Túi đựng dụng cụ tiệt trùng Tyvek 300mm x 70m	2 cuộn/thùng	cuộn	Cấu tạo: gồm 2 mặt; một mặt bằng PET/PE; Polyester 12μm và Polyethylene 48μm, mặt kia bằng giấy y tế cao cấp, độ dày 155μm; Lực chịu xé tối thiểu 90 mN. Chỉ thị màu từ đỏ sang xanh, phù hợp với phương pháp tiệt trùng nhiệt độ thấp công nghệ Plasma, H2O2; Độ dính cao, dễ hàn với tất cả các loại máy hàn túi. Cỡ 300mm x 70m	2

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
103	Chỉ thị sinh học hơi nước 24 phút 1492V cho máy 490/490M	50 ống/ hộp	ống	Chỉ thị sinh học tiết khuẩn bằng hydrogen peroxide. - Cho kết quả trong 24 phút khi được ủ trong thiết bị 3M Attest Auto-reader 490/490M • Cấu tạo: - Bào tử Geobacillus stearothermophilus • Kiểm soát chất lượng gói dụng cụ của các máy và chu trình tiết khuẩn Hydrogen Peroxide • Sọc chỉ thị hóa học trên đỉnh nắp sẽ chuyển từ màu xanh dương sang màu hồng khi tiếp xúc với hydrogen peroxide • Thành phần: - Peptone Phytone 1-2%, Dải bào tử Geobacillus Stearothermophilus <0.01%, Nước >95%, Môi trường nuôi cấy <5% • Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485-2016	50
104	Giấy in nhiệt (cho máy tiết trùng nhiệt độ thấp	Hộp 5 cuộn	Cuộn	chiều rộng từ 11,2 cm đến 12 cm, chiều dài tối thiểu 20m	5
	Cộng : 11 khoản				
VII	Vật tư y dụng cụ thông thường				
105	Máng Nhựa Elisa	1 cái/hộp	Hộp	Máng đựng hóa chất 50ml - Chất liệu ống: polystyrene, tiết trùng - Đóng gói riêng từng cái - Đạt tiêu chuẩn ISO	260
106	Bộ bể nhuộm lam tiêu bản bằng tay	Bộ gồm 12 cốc nhuộm 300ml và 2 giá nhuộm bằng nhựa có nắp.	Bộ	Kích thước mỗi hộp nhuộm nhỏ cao 8,5cm : chiều dài đáy 9,5cm * chiều dài trên 10cm * chiều rộng đáy 4cm * chiều rộng trên 4,5cm * chiều cao 9,5cm Vật liệu polymer chịu nhiệt độ cao và ăn mòn thuốc thử axit và kiềm, không biến dạng. 1 bộ gồm 12 bể và 2 giá để nhuộm mô bệnh học.	2
107	Buồng đếm Nageotte		Cái	Loại buồng đếm để đếm tế bào trong dịch não tủy có thể tích chung 50mm³ . Chia làm 40 bằng, kẻ theo chiều ngang của buồng đếm, mỗi bằng có thể tích 1.25mm³ .	2
108	Buồng đếm Neubauer		Cái	Buồng Neubauer là một phiên kính dày có kích thước bằng một phiên kính (30 x 70 mm và dày 4 mm). Trong một buồng đếm đơn giản, khu vực trung tâm là nơi thực hiện đếm tế bào. Buồng có ba phần: (1) phần trung tâm, nơi lưới đếm đã được đặt trên kính, và (2) buồng đôi/hai khu vực đếm có thể được nhận mẫu độc lập.	2
109	Pipette thủy tinh 5ml	Túi 1 cái	Túi 1 cái	Làm từ thủy tinh. - pipet thủy tinh bầu - Có vạch đánh dấu định mức dung tích với pipet bầu - Tùy thuộc vào thang chia, các thể tích khác nhau có thể được giữ lại và phân phối như nhau hay tăng dần - Hiệu chuẩn với dung tích rót vào ở nhiệt độ tham chiếu +20°C.	2

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
110	Pipette thủy tinh 5ml	Túi 1 cái	Cái	Làm từ thủy tinh. - pipet thủy tinh thẳng - Có chia vạch trên thân với pipet thẳng - Tùy thuộc vào thang chia, các thể tích khác nhau có thể được giữ lại và phân phối như nhau hay tăng dần - Hiệu chuẩn với dung tích rót vào ở nhiệt độ tham chiếu +20°C.	3
111	Pipette thủy tinh 10ml	Túi 1 cái	Cái	Làm từ thủy tinh. 10ml	2
112	Pipette thủy tinh 1ml	Túi 1 cái	Cái	Làm từ thủy tinh. 1ml	2
113	Đèn tím di động	Cái/ hộp	Cái	Có tác dụng diệt khuẩn, di chuyển dễ dàng	10
114	Bóng đèn cực tím (có tia UV) các cỡ	Cái/ hộp	Cái	Có tia UV, dùng để diệt khuẩn phòng	100
115	Khay chữ nhật	Cái/ hộp	cái	Chất liệu inox. Kích thước Khoảng 22cmx 32 cm	50
116	Kéo nhọn thẳng 16cm	1 cái/Túi	cái	Kéo đầu thẳng, nhọn, dài 16cm, làm từ thép không gỉ	30
117	Kẹp phẫu tích	1 cái/Túi	cái	Kẹp đầu thẳng, không mẫu, dài 15cm, làm từ thép không gỉ	20
118	Panh có mẫu 16cm	1 cái/ Túi	cái	Panh có mẫu, đầu thẳng, dài 16cm, làm từ thép không gỉ	50
119	Khay inox quả đậu các cỡ	1 cái/ túi	Cái	Khay quả đậu Inox được làm bằng chất liệu inox, thể tích khoảng 300ml	10
120	Hộp chống sốc	Túi 1 cái	Túi 1 cái	Hộp chống sốc, làm bằng chất liệu inox dùng trong y tế	10
121	Ống nghiệm thủy tinh 5 ml	Hộp 1 ống	ống	Ống nghiệm thủy tinh 5 ml	1,000
122	Ống nghiệm thủy tinh 15ml	Hộp 1 ống	ống	Ống nghiệm thủy tinh 15ml	1,000
123	Bình nón thủy tinh 2000ml	Hộp 1 cái	cái	Dùng trong pha chế hóa chất	5
124	Bình nón thủy tinh 5000ml	Hộp 1 cái	cái	Dùng trong pha chế hóa chất	5
125	chai nút mài 1000ml	Hộp 1 cái	Cái	Chất liệu thủy tinh trung tính, dùng cho xét nghiệm	5
126	chai nút mài 500ml	Hộp 1 cái	Cái	Chất liệu thủy tinh trung tính, dùng cho xét nghiệm	20
Cộng : 20 khoản					
VIII	Các loại chỉ khâu				
127	Chỉ Daiflon 2/0	36 sợi/ hộp	Sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn DS 24mm . Tiêu chuẩn ISO 13485.	720
128	Chỉ Prolen 4/0	12sợi/ hộp	Sợi	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 4/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt CC-20, dài 20mm 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	200
129	Chỉ Vicryl số 1/0	Hộp 12 sợi	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn CT, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-72 ngày . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	300

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
130	Chỉ Vicryl số 3/0	Hộp 12 sợi	Sợi	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn SH Plus, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-72 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,	360
	Cộng :04 khoản				
IX	oxy y tế				
131	Oxy lỏng y tế	Kg	Kg	Hàm lượng (% thể tích) $\geq 99,5\%$	140,000
132	Khí Oxy y tế	Chai	Chai 10 lít	Hàm lượng (% thể tích) $\geq 99,5\%$	150
133	Khí Oxy y tế	Chai	Chai 40 lít	Hàm lượng (% thể tích) $\geq 99,5\%$	10
134	Khí Oxy y tế	Chai	Chai 5 lít	Hàm lượng (% thể tích) $\geq 99,5\%$	120
	Cộng: 04 khoản				
X	Vật tư tiêu hao dùng trong phẫu thuật nội soi lồng ngực				
135	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi dùng cho mạch máu và mô mỏng, màu đồng, cỡ 45mm	6 chiếc/ hộp	Chiếc	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi công nghệ Tristaple kèm lưỡi dao, màu be, dùng cho mạch máu và mô mỏng. Thiết kế lưỡi dao mới trên băng ghim với đe cố định. Băng ghim dài 45mm, thiết kế 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 2.0mm; 2.5mm; 3.0mm. Bốn hàng ghim ở đầu xa băng ghim. Ghim bằng Titan. Đạt tiêu chuẩn FDA.	30
136	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi dùng cho mô trung bình, màu tím, cỡ 60mm	6 chiếc/ hộp	Chiếc	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi công nghệ Tristaple kèm lưỡi dao, màu tím, dùng cho mô trung bình và mô dày. Thiết kế lưỡi dao mới trên băng ghim với đe cố định. Băng ghim dài 60mm, thiết kế 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Bốn hàng ghim ở đầu xa băng ghim. Ghim bằng Titan. Đạt tiêu chuẩn FDA.	15
137	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi dùng cho mô dày, màu đen, cỡ 60mm	6 chiếc/ hộp	Chiếc	Băng (đạn) ghim khâu máy cắt nối tự động nội soi công nghệ Tristaple kèm lưỡi dao, màu đen, dùng cho mô dày và mô rất dày. Băng ghim dài 60mm, 3 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 4.0mm; 4.5mm; 5.0mm. Ghim bằng Titan. Đạt tiêu chuẩn FDA.	30
138	Dụng cụ khâu nối tự động nội soi các cỡ	3 chiếc/ hộp	Chiếc	Dụng cụ cắt nối tự động dùng trong mổ nội soi tương thích với tất cả băng ghim khâu cắt nội soi. Chiều dài nòng tương ứng 6cm, 16cm. Dụng cụ có thanh gấp góc trên thân, 10 vị trí gấp góc (5 điểm mỗi bên) và 1 điểm ở chính giữa. Có chỉ thị báo lấp nối không đúng. Đạt tiêu chuẩn FDA.	8
139	Túi bảo vệ thành vết mổ các cỡ loại nhỏ	5 chiếc/Hộp	Chiếc	Túi bảo vệ thành vết mổ chất liệu Polyurethane tránh nhiễm khuẩn chéo và hỗ trợ trong phẫu trường giúp tối ưu hóa việc quan sát, cấu tạo mềm dẻo với 2 vòng cao su trên dưới. Các cỡ cho vết rạch từ: 2-4cm, 2.5-6cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	30
140	Bao dây camera nội soi BMS 15cm x 220cm	1 cái/ bao	Cái	Bao dây camera nội soi Tương Lai	150
141	Tay dao mổ siêu âm	1 cái/ hộp	Cái	Tay dao mổ siêu âm THUNDERBEAT 5mm – 35cm	6
142	Clip mạch máu	6 clip/vi	Vi	Clip mạch máu hem-o-lok size L	30

STT	Danh mục hàng hóa	Quy Cách	Đơn vị tính	Đặc Tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
143	Miếng dán điện cực âm dùng cho dao mổ điện FIAB	Miếng/bao	Miếng	Miếng dán điện cực âm dùng cho dao mổ điện FIAB mã F7820	300
	Cộng: 09 khoản				
XI	Vật tư dẫn lưu ngực				
144	Bộ dẫn lưu vết mổ áp lực âm 200ml	1 Bộ/ Hộp	Bộ	BỘ QUẢ BÌNH DẪN LƯU HÚT DỊCH VẾT THƯƠNG 200ml BAO GỒM: Một quả chứa dịch .Ống dẫn lưu PVC .Trocac kép bằng thép không gỉ .Dây hút chân không .Bộ dụng dịch tiết kiểm soát nhiễm trùng .Bộ 3 Lò xo có thể thay thế ống dẫn lưu PVC bằng ống silicone nếu cần.	30
145	Bộ dẫn lưu vết mổ áp lực âm 450ml	1 Bộ/ Hộp	Bộ	BỘ QUẢ BÌNH DẪN LƯU HÚT DỊCH VẾT THƯƠNG 400ml BAO GỒM: Một quả chứa dịch .Ống dẫn lưu PVC .Trocac kép bằng thép không gỉ .Dây hút chân không .Bộ dụng dịch tiết kiểm soát nhiễm trùng .Bộ 3 Lò xo Có thể thay thế ống dẫn lưu PVC bằng ống silicone nếu cần.	10
146	Bộ dẫn lưu ngực 2300ml	1 Bộ/ Hộp	Bộ	Hệ thống dẫn lưu ngực sau phẫu thuật Thorametric 2300ml	30
147	Bộ dẫn lưu ngực 1150ml	1 Bộ/ Hộp	Bộ	Hệ thống dẫn lưu ngực sau phẫu thuật Thorametric 1150ml	10
148	Mask thanh quản 1 nòng dùng 1 lần (size 3,4,5)	1 cái/ Túi	Cái	3.0 => Trẻ lớn 30-50kg => 20ml 4.0 => Người lớn từ 50-70kg => 30ml 5.0 => Người lớn từ 70-100kg => 40ml	50
149	Bình dẫn lưu thủy tinh	Hộp 1 cái	cái	Chất liệu thủy tinh, có dung tích 2,5 lít	20
150	Kim sinh thiết màng phổi mù	Hộp 1 cái	Hộp	Gồm năm bộ phận bao gồm một kim ngoài 11G có đầu nhọn và một chốt kim có thể điều chỉnh. Kim 13G bên trong có điểm đâm vát và kim tiêm gắn vừa. Kim sinh thiết 13G bên trong có hình móc để lấy mẫu 7603 7574 11G x 3" Khóa kim có thể điều chỉnh, phù hợp với 11G đến 14G	6
	Cộng: 10 khoản				

Tổng 150 khoản

**Phụ Lục 02: GÓI THẦU SỐ 02: HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM VÀ SINH PHẨM CHẨN ĐOÁN
NĂM 2025**

(Đính kèm Thư mời bảo giá Số: 347/BVPHN-DVT ngày 14 tháng 4 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
I	Hóa chất cho máy Mgit 960 hoặc tương đương				
1	Bộ thử nghiệm độ nhạy cảm của Mycobacterium tuberculosis	4 lọ thuốc đông khô và 8 lọ Sire Supplements	Hộp	- Dùng cho quy trình định tính nhanh độ nhạy cảm của Mycobacterium tuberculosis với streptomycin (STR), isoniazid (INH), rifampin (RIF) và ethambutol (EMB) từ 4 - 13 ngày. - Bộ hoá chất bao gồm 4 lọ kháng sinh đông khô, mỗi lọ chứa một loại kháng sinh: Streptomycin 332 µg, Isoniazid 33.2 µg, Rifampin 332 µg, Ethambutol 1,660 µg; và 8 lọ SIRE Supplement, mỗi lọ chứa 20mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: Bovine albumin 50.0, Dextrose 20.0g, Catalase 0.03g, Oleic axit 0.6 g. - Bảo quản ở 2 - 8°C.	4
2	Xét nghiệm định danh nhóm Mycobacterium tuberculosis complex.	25 test/ hộp	Hộp	- Dùng nguyên lý sắc ký miễn dịch nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên MPT64 của nhóm Mycobacterium tuberculosis complex. - Mỗi thanh hoá chất được đóng trong gói túi bạc - Thanh hoá chất bao gồm một vạch thử nghiệm chứa kháng thể đơn dòng đặc hiệu-MPT64 và một vạch chứng chứa kháng thể kháng loài. - Bảo quản ở 2 - 35°C.	80
3	Ống chỉ thị tăng trưởng vi khuẩn lao	(7mL/ ống x 100 ống/hộp)	Hộp	- Dùng để phát hiện và phục hồi vi khuẩn lao. - Mỗi ống chứa 110µL chất chỉ thị huỳnh quang Tris 4, 7-diphenyl-1,10-phenanthroline ruthenium chloride pentahydrate và 7mL canh trường Middlebrook 7H9 với công thức trên 1L nước tinh khiết: Canh trường Middlebrook 7H9 đã điều chỉnh: 5.9g; Casein Peptone 1.25g. - Bảo quản ở 2 - 25°C	80
4	Bộ chất hỗ trợ tăng trưởng vi khuẩn lao	15mL/lọ x 6 lọ Chất làm giàu và 6 lọ thuốc đông khô Panta	Hộp	- Gồm lọ chứa 15mL chất làm giàu Middlebrook OADC với công thức trên 1L nước tinh khiết: 50.0g Bovine albumin, 20.0g Dextrose, 1.1g Polyoxyethylene stearate, 0.03g Catalase, 0.1g Oleic axit; và lọ chứa hỗn hợp kháng sinh đông khô: Polymyxin B 6,000 đơn vị, Amphotericin B 600 µg, Nalidixic axit 2,400 µg, Trimethoprim 600 µg, Azlocillin 600 µg. - Bảo quản ở 2 - 8°C	80
5	Calibration Mgit	51 ống/hộp	ống	- Được sử dụng trên máy BD BACTECTM MGITTM 960, dùng để hiệu chỉnh bộ phận phát hiện của máy - Bảo quản tối ở 2-25 °C.	102
Cộng : 05 khoản					
II	Hóa chất dùng cho máy huyết học Celltac α hoặc tương đương				

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
6	Dung dịch pha loãng	18 lít/can	Can	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: không Độ pH: 7.35 đến 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Natri clorid, Sulfate	40
7	Dung dịch phá vỡ hồng cầu (máy Celtax)	Can 500ml	Can	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: không Mùi: nhẹ Độ pH: 4 đến 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Chất hoạt động bề mặt mang điện tích dương	22
8	Dung dịch rửa (máy Celtax)	5 lít/can	Can	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether và Ethylene glycol monophenyl ether	5
9	Dung dịch rửa mạnh (máy Celtax)	5 lít/can	Can	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Trạng thái vật lý: chất lỏng Màu: vàng hoặc vàng-xanh lá Mùi: khó chịu (clo) Độ pH: 10 đến 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit	2
10	Dây bơm máy Celltac α	Túi 1 chiếc	Chiếc	Dạng vật liệu: TPE Độ cứng: 64 Shore A Hấp tiết trùng: Có Tiệt trùng bằng tia Gamma: Có Nhiệt độ tối thiểu: -40°C Nhiệt độ tối đa: 135°C	2
Tổng : 05 khoản					
III	Hóa chất dùng cho máy sinh hóa cho máy AU400				
11	Định lượng Cholesterol toàn phần	4x22.5ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase ≥ 0,2 kU/L (3,3 pkat/L); Cholesterol oxidase ≥ 0,2 kU/L (3,3 pkat/L);	3

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
12	Hoà chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	1x2ml	Lọ	Chất kiểm chuẩn huyết thanh người dạng lỏng Thành phần: huyết thanh người, α -1 acidglycoprotein, Ferritin, α -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin	2
13	Hoà chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	1x2ml	Lọ	Chất kiểm chuẩn huyết thanh người dạng lỏng Thành phần: huyết thanh người, α -1 acidglycoprotein, Ferritin, α -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin	2
14	Hoà chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	1x2ml	Lọ	Chất kiểm chuẩn huyết thanh người dạng lỏng Thành phần: huyết thanh người, α -1 acidglycoprotein, Ferritin, α -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin	2
15	Định lượng Ure	4x25ml+4x25 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH ≥ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate ≥ 9.8 mmol/L ;Urease ≥ 17.76 kU/L; GLDH ≥ 0.16 kU/L	15
16	Hoà chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	1x5ml	Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	20
17	Hoà chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	1x5ml	Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	20
18	Đo hoạt độ ALT (GPT)	4x50ml+4x25 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	11
19	Định lượng Albumin	4x29ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin ; dải đo: 15-60 g/L ; phương pháp: Bromocresol Green (BCG), bước sóng 600/800 nm . Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0.2 mmol/L;	5
20	Định lượng CRP	4x30ml+4x30 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm CRP Latex ; dải đo: 0.2-480 mg/L ; phương pháp: Immunoturbidimetric . Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP $< 0.5\%$ w/v	24

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
21	Hoà chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	5x2ml	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa các lượng khác nhau của CRP người	3
22	Định lượng Creatinine	4x51ml+4x51 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	10
23	Đo hoạt độ AST (GOT)	4x25ml+4x25 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	12
24	Định lượng Bilirubin toàn phần	4x15ml+4x15 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L	5
25	Định lượng Protein toàn phần	4x25ml+4x25 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret. Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L.	4
26	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hoá	1x5lit	Bình	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	6
27	Định lượng Bilirubin trực tiếp	4x20ml+4x20 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0-171 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L	4
28	Đo độ hoạt Gama Glutamyl Tranferase	4x40ml+4x40 ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L	8
29	Định lượng Glucose	4x25ml+4x12.5ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq 2,0$ mmol/L, Hexokinase ≥ 0.59 kU/L, G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L	13
30	Đo hoạt độ Amylase	4x10ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase ; dải đo: 10-2000 U/L ; phương pháp: CNPG3. Thành phần: Calcium acetate 3.60 mmol/L; Potassium thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1.63 mmol/L	1
31	Định lượng Triglyceride	4x50ml+4x12.5ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 $\mu\text{kat/L}$); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 $\mu\text{kat/L}$); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 $\mu\text{kat/L}$); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$);	3
32	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	1x5ml/ lọ	Lọ	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	10

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
33	Định lượng Uric Acid	4x42.3ml+4x17.7ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Uricase/POD . Thành phần:MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase $\geq 5.9 \text{ kU/L}$ (98 $\mu\text{kat/L}$); Uricase $\geq 0.25 \text{ kU/L}$ (4.15 $\mu\text{kat/L}$); Ascorbate Oxidase $\geq 1.56 \text{ kU/L}$ (26 $\mu\text{kat/L}$).	5
34	Đo hoạt độ LDH	4x40ml+4x20ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm LDH ; dải đo: 25-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC, bước sóng 340 nm. Thành phần: là D(-)-N-Methylglucamin buffer, pH 9.4 (37°C) 325 mmol/L; Lactate 50 mmol/L ; NAD+ 10 mmol/L; Chất bảo quản.	2
35	Định lượng Calci toàn phần	4x15ml	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Calci ; dải đo: 1-5 mmol/L ; phương pháp: Arsenazo 3, bước sóng 660/700 nm . Thành phần: Imidazole (pH 6,9) , Arsenazo III 0,02%, Triton X-100	3
36	Bóng đèn	1 cái/hộp	Hộp	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W	2
37	Dây bơm máy sinh hóa AU	túi 1 cái	cái	Dây bơm dành riêng cho máy hóa sinh AU 400 và tương đương	4
38	Ống lấy mẫu máu lắng	100 ống/ gói	gói	Ống lấy mẫu cho xét nghiệm máu lắng	6
39	Ống lấy mẫu	1000 chiếc/túi	Túi	Thành phần: Polystyrene, dung tích 2,5ml đến 3ml	4
40	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ADENOSINE DEAMINASE (ADA)	Hộp (4x8mL+1x10 mL)	Hộp	dải đo: 1.65 - 150 U/L, phương pháp đo: Adenosine-Glutamate dehydrogenase	4
41	Chất chuẩn cho xét nghiệm ADA	hộp (1x1mL)	Hộp	Dạng bột đông khô, thành phần: chứa ADA bò, Đệm Tris 50 mmol/L	2
42	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2	Hộp (2x1mL)	Hộp	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm ADA mức 1 và 2, dạng bột đông khô	3
43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	Hộp (2x22ml+2x4ml+2x6ml)	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB; Thành phần: Dung dịch đệm inidazole (pH 6,7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) $\geq 4 \text{ kU/L}$; EDTA 2 mmol/L; NADP 2 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH $\geq 2,8 \text{ kU/L}$; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2 mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M; Phương pháp: Ức chế miễn dịch; Dải tuyến tính: 10 – 2.000 U/L (0,17 – 33,33 $\mu\text{kat/L}$); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV $\leq 5\%$; Độ chụm toàn phần: CV $\leq 6,5\%$; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	4
44	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	Lọ (1x1ml)	Lọ	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme; Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị được chuẩn hóa theo CK total IFCC Reference Method	2
45	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	Lọ(1x2ml)	Lọ	Chất kiểm chuẩn mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.;	3

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
46	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	Lọ (1x2ml)	Lọ	Chất kiểm chuẩn mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa creatine kinase-MB isoenzyme.;	3
47	Giấy in liên tục	hộp	hộp	sử dụng cho máy in kim máy AU400	2
48	Bảng mực cho in kim	bảng	bảng	dùng cho máy in của máy AU400	1
Cộng : 38 khoản					
IV	Hóa chất dùng cho máy huyết học 26 thông số Pentra ES60 hoặc tương đương				
49	Dung dịch pha loãng	20 lít/thùng	thùng	- Dung dịch trong suốt và không màu. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% + Chất điện hoạt (Surfactant) < 0,1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	12
50	Dung dịch rửa máy	1 lít/ hộp	hộp	- Dung dịch nước trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%	10
51	Dung dịch nhuộm Eosin	1 lít/ hộp	hộp	- Dung dịch nước trong suốt, màu xanh dương đậm, có mùi cồn. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 1% + Cồn (Alcohol) < 10 % + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485.	8
52	Dung dịch nhuộm Baso	1 lít/ hộp	Hộp	- Dung dịch nước trong suốt và không màu, nhạy cảm ánh sáng. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 0,1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	16
53	Dung dịch nhuộm biolyse	0,4 Lít/ chai/ hộp	Hộp	- Dung dịch nước trong suốt và không màu - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 2,5% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	10
54	Dung dịch rửa bên ngoài	0,5 Lít/ Hộp	Hộp	- Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng - Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008 - Thành phần: + Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5% + Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485	1

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
55	Dung dịch kiểm chứng mức thấp	2x2,5ml/ hộp	Hộp	Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. Đóng gói: (2x2,5ml) Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	10
56	Dung dịch kiểm chứng mức bình thường	2x2,5ml/ hộp	Hộp	- Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. Đóng gói: (2x2,5ml) Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	12
57	Bộ kit 6 tháng dùng cho máy Huyết học Pentra ES60	Túi 1 cái	Túi	Bộ kit 6 tháng, Vật tư tiêu hao cho máy Huyết học Pentra ES60	2
58	Bộ kit 1 năm dùng cho máy Huyết học Pentra ES60	Túi 1 cái	Túi	Bộ kit 1 năm, Vật tư tiêu hao cho máy Huyết học Pentra ES60	1
Cộng : 10 khoản					
V	Hóa chất cho máy điện giải- CBS 300 hoặc tương đương				
59	Hộp hóa chất điện giải 3 thông số Na/K/Cl + kèm theo bộ điện cực dùng cho máy đo điện giải đồ	1270ml/ Hộp	Hộp	Thành phần gồm: Chất chuẩn A: 530ml Chất chuẩn B: 210ml Chất chuẩn C: 220ml Dung dịch tham chiếu: 310ml Hộp: 1270ml/ Hộp	12
60	Dung dịch kiểm chuẩn dùng cho máy đo điện giải đồ CBS 300	3x5x2ml	Hộp	Control được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C ₂ H ₃ NaO ₂ , CaCl ₂ , C ₂ H ₅ NO ₂ , trong huyết thanh động vật	3
61	Dung dịch rửa dùng cho máy đo điện giải đồ	0.13g*2+10ml	Hộp	Thành phần bao gồm: Lọ A: NaCl, KCl, CaCl ₂ , NaCl ₂ , LiCl, HCl Lọ B: Pepsin	12
Cộng :03 khoản					
VI	Hoá chất cho máy xét nghiệm điện giải -CBS 400				
62	Hóa chất điện giải 5 thông số Na/K/Cl/Ca/PH	Hộp 1270ml	Hộp	Thành phần gồm: Standard A: 530ml Standard B: 210ml Rinse solution: 220ml Reference solution: 310ml Hộp: 1270ml/ Hộp Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	20
63	Dung dịch rửa	Hộp: 0.13gx2+10ml	Hộp	Thành phần bao gồm: Lọ A: NaCl, KCl, CaCl ₂ , LiCl, HCl Lọ B: Pepsin Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2
64	Dung dịch kiểm chuẩn máy điện giải	Hộp: 3x5x2ml	Hộp	Control được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C ₂ H ₃ NaO ₂ , CaCl ₂ , C ₂ H ₅ NO ₂ , trong huyết thanh động vật Hộp: 3x5x2ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	8

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
65	Dung dịch hiệu chuẩn máy điện giải	Hộp: 3x4x2ml.	Hộp	Calibrator được cung cấp trong các ống kín có chứa chất đệm, chất bảo quản và muối NaCl, KCl, C2H3NaO2, CaCl2, C2H5NO2, trong huyết thanh động vật. Hộp: 3x4x2ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	2
	Cộng: 04 khoản				
VII	Hóa chất cho máy xét nghiệm nước tiểu MU120, Smart				
66	Que thử nước tiểu 10-11 thông số	hộp 100 test	Hộp	Que thử phân tích nước tiểu sử dụng để phát hiện định tính và bán định lượng các chất sau trong nước tiểu: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid, Albumin, Creatinine, Calcium.	40
67	Dung dịch kiểm tra máy xét nghiệm nước tiểu dải thấp	Hộp 12 lọ 12 ml/lọ	Lọ	Thành phần: 100% nước tiểu người, chứa 13 thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, HCG, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity and Urobilinogen.	4
68	Dung dịch kiểm tra máy xét nghiệm nước tiểu dải cao.	Hộp 12 lọ 12 ml/lọ	Lọ	Thành phần: 100% nước tiểu người, chứa 13 thông số: Albumin, Bilirubin, Blood, Creatinine, Glucose, HCG, Ketones, Leukocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity and Urobilinogen.	4
	Cộng :03 khoản				
VIII	Hóa chất cho máy đông máu tự động CA 500 và tương đương				
69	Hoá chất pha loãng	6x25ml	Hộp	Thành phần: dung dịch nước barbitol 28.4 mM, Sodium Chloride 125.4 mM, chất bảo quản Sodium acid 0.05 %; pH 7.2 - 7.6. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	2
70	Hoá chất xét nghiệm APTT	6x5ml	Hộp	Thành phần: 0.1 mM Acid Ellagic với Phospholipids chiết xuất từ não thỏ mất nước. Dung dịch đệm, chất ổn định và chất bảo quản, gồm 0.2% phenol.	11
71	Hoá chất xét nghiệm TT	10 x 2ml	Hộp	Thành phần: gồm huyết khối đông khô của bò, bảo quản dung dịch đệm và chất ổn định. Huyết khối 10 đơn vị NIH /ml. plug. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	12
72	Hoá chất xét nghiệm PT	2x5ml	Hộp	Thành phần: Thromboplastin mô từ não thỏ, chất bảo quản chứa các ion canxi và natri azide	60
73	Cốc đựng cho máy đông máu	6 túi x500 cái/hộp	Hộp	Loại cuvette tròn, vật liệu nhựa cứng, trong suốt Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	5
74	Dung dịch rửa máy I	Hộp 6 x 50 ml	Hộp	Thành phần: Active Ingredients: Sodium Hypochlorite 1 % Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	7
75	QC dải thấp	Hộp 10 x 1 ml	Hộp	Thành phần: là huyết tương đông khô, được điều chế từ huyết tương của người bình thường Kiểm tra mức bình thường các thông số: PT, APTT, FIB, TT, AT III Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	1
76	QC dải cao	Hộp 10 x 1 ml	Hộp	Thành phần: là huyết tương đông khô, được điều chế từ huyết tương của người mức cao. Kiểm tra mức cao thông số: PT, APTT, FIB, TT.	1

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
77	Hoá chất CaCl ₂	Hộp 10 x 10 ml	Hộp	Thành phần: Dung dịch canxi clorua 0.025 mol Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO:ISO 13485:2016	4
78	Hoá chất xét nghiệm Fibrinogen	Hộp 10 x 2 ml	Hộp	Thành phần: huyết khối bỏ 100 đơn vị NIH/ml, chất bảo quản Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	6
79	Dung dịch chuẩn máy	Hộp 5 x 1 ml	Hộp	Thành phần: huyết tương đông lạnh, được bảo quản ổn định các thành phần của huyết tương. Chuẩn các thông số xét nghiệm: PT, APTT, FIB, AT III, Protein C, Protein S, Factors Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO:ISO 13485:2016	1
Cộng :11 khoản					
IX	Hóa chất xét nghiệm Quanti Feron				
80	Bộ Kit xét nghiệm định lượng Interferon gamma chẩn đoán VK Lao bằng phương pháp Elisa	Bộ gồm 2 thành phần	Bộ	Thành phần bộ kit bao gồm: - Kit ELISA loại 96 giếng gồm: Dung dịch pha loãng; phức hợp, dung dịch hãm; dung dịch rửa; dung dịch cơ chất và dung dịch chuẩn. - Hộp 4 loại ống thu máu: bao gồm (50 Nil + 50 TB1 + 50TB2 +50 Mitogen)	15
Cộng :01 khoản					
X	Hóa chất xác định nhóm máu				
81	Hoá chất xác định kháng nguyên A	Lọ 10ml	Lọ	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. ISO-13485	8
82	Hoá chất xác định kháng nguyên B	Lọ 10ml	lọ	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. ISO-13485	8
83	Hoá chất xác định kháng nguyên AB	Lọ 10ml	lọ	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. ISO-13485	8
84	Hoá chất xác định kháng nguyên D	Lọ 10ml	lọ	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. ISO-13485	7
Cộng :04 khoản					
XI	Hóa chất máy khí máu Gem Premier 3000/3500 hoặc tương đương				
85	Hóa chất phân tích khí máu 9 thông số	75 test/hộp	hộp	Đo các thông số: pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate	24
Cộng: 01 khoản					
XII	Hóa chất khử khuẩn				
86	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ	5 lít/ Can	Can	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 10% (w/w) , Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 1,5% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg ²⁺ , Ca ²⁺ : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, chất tạo màu và hương liệu.	3

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
87	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt	5 lít/ can	can	Glutaraldehyde 2%, 28 ngày, tặng test thử 1 que/ ngày	120
88	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ ngoại khoa, nội khoa, dụng cụ nội soi và dụng cụ không chịu nhiệt	5 lít/can	can	6,5% Didecyl dimethyl ammonium chloride + 0,074% Chlorhexidin digluconate, chất hoạt động bề mặt.	15
89	Dung dịch phun khử khuẩn nhanh bề mặt	1 lít/ chai	Chai	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg^{2+} , Ca^{2+} : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu.	6
90	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	hộp 1 chai 500ml	Chai	Hoạt chất: Ethanol 50 % (w/w), Isopropanol 28 % (w/w), Ortho-Phenylphenol 0,15 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Isopropyl myristate, Olive Oil PEG-7 Esters... Chất tạo gel: Acrylates/C10-30 Alkyl Acrylate. Hương liệu.	1300
91	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao dụng cụ chứa Glutaraldehyde	Can 5 lít	Can	Glutaraldehyde 2,55 % (w/w), hệ đệm pH= 5-6. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 10 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 Nấm, mốc : EN 14562 Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 Thời gian đồ ra chậu ngâm: Tối đa 30 ngày Tặng kèm test thử, nồng độ hoạt chất có tác dụng tối thiểu: 1,5%(w/w).	40
92	Dung dịch xà phòng rửa tay dùng trong phẫu thuật, thủ thuật	5 lít/can	Can	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium. Chất làm đặc, hương liệu .	3
93	Dung dịch khử Enzym	5 lít/can	Can	Enzym protease: 0,5%(w/w). Hệ chất hoạt động bề mặt	6
94	Dung dịch chống gỉ sét	Can 1 lít	Lít	Polyacrylate ≤ 1% (w/w). Enzyme: protease, lipase, amylase. Dung dịch chống gỉ và sáng bóng dụng cụ	3
Cộng: 09 khoản					
XIII	Hóa chất cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp teelcoPro PL 130 hoặc tương đương				
95	Gói kiểm tra máy hấp tiệt trùng nhiệt độ cao	30 gói/ thùng	Gói	Kiểm tra, đánh giá sự rò rỉ không khí, tính xuyên thấu của hơi nước, sự ngưng tụ tạo thành bọt khí. Thông số "đạt" khi chỉ thị chuyển từ vàng sang đen. Kiểm tra chu trình nhiệt 134oC trong 3,5-4 phút	100

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
96	Hóa chất cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp SteelcoPro PL 130	Ống	Ống	Dung tích 1 ống hóa chất 12ml. Nồng độ H ₂ O ₂ trong một ống hóa chất là 58%. Hóa chất dạng ống dùng 1 lần 1 ống. Ống hóa chất được tích hợp mã nhận dạng RFID giúp kiểm tra hạn dùng của hóa chất	60
97	Chỉ thị sinh học(cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp)	50 ống/hộp	ống	Chỉ thị sinh học kiểm tra chất lượng nhanh chóng quá trình tiệt khuẩn hơi nước. Ống đóng sẵn chứa bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> , 1 chỉ thị dán trên đỉnh nắp sẽ chuyển màu hồng sang màu nâu hoặc nâu đậm khi tiếp xúc với hơi nước trong quá trình tiệt khuẩn. Dùng kiểm tra chất lượng chu trình tiệt khuẩn lò chân không từ 132oC đến 135oC. Ống nhựa 50-60%, nắp polypropylen 20-25%, dung dịch môi trường tăng trưởng 10-15%, nhân <2%, vải không dệt nylon <2%, bào tử <i>Geobacillus stearothermophilus</i> 0,01-0,05%. Đạt tiêu chuẩn FDA, Iso 13485:2016	50
	Cộng: 03 khoản				
XIV	Hóa chất thông thường				
98	Nước cất 2 lần	Can 05 lít	Lít	Độ dẫn điện ở 25°C: 0,82 µS /cm, tổng chất rắn hòa tan (TDS) 0,11 mg/l, pH 6,74 cfu/g	7200
99	Cồn 70 độ	Chai 500ml	Chai	Dung dịch dùng ngoài da, đóng chai 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	3000
100	Cồn 90 độ	Chai 500ml	Chai	Dung dịch dùng ngoài da, đóng chai 500ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	180
101	Cồn tuyệt đối	Chai 500 ml	Chai	Cồn Ethanol tuyệt đối ethyl alcohol, alcohol tinh khiết, là chất lỏng dễ bay hơi, dễ cháy, không màu. Chai 500ml	100
102	Viên Prepsept	Hộp 100 viên	Hộp	Thành phần: Natri Dichloroisocyanutrale khan 50%,	80
103	Nước tẩy Javen	Can 10 lít	Lít	Chất lỏng trong, màu vàng. Dùng để tẩy bẩn, khử khuẩn	300
104	Dầu parafin	chai 500ml	Chai	Dầu parafin lỏng không màu, trong suốt, không mùi, không vị và là chất lỏng dưới dạng dầu. Chai 500ml	24
105	Gel bôi trơn	82g/ tuýp	Tuýp	Dùng trong điện liệu pháp, kỹ thuật soi bằng quang, thăm khám bằng tay và bôi trơn để giảm bớt tình trạng khô âm đạo, 1 tuýp 82g hộp.	240
106	Gel điện tim	250 ml/ tuýp	Tuýp	Tan trong nước, đã được tiệt trùng. Tăng dẫn truyền tín hiệu điện tim	32
107	Gel siêu âm	Can 5 lít	Can	Tính chất: Phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không gây bỏng quần áo, không gây hại da đầu dò. Không có Formaldehyde. Vô khuẩn, không gây mẩn cảm hoặc ngứa da	12
108	Muối tái sinh	25kg/ bao	Kg	Dùng lọc nước cho máy hấp tiệt trùng	50

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
109	Cloramin B	Gói 1 kg	Kg	Hoạt chất chứa Natri N - chlorobenzenesulfonamide hoạt tính clor 25%, đậm đặc mạnh và hiện quả nhanh. Phổ hoạt động rộng, không có nguy cơ kháng sinh vi khuẩn. Pha chế ở nhiệt độ nước 20-25°C, độ PH (2%)_11,5. Màu sắc trắng tới màu vàng nhạt.	80
	Cộng: 12 khoản				
XV	. Hóa chất cho xét nghiệm				
110	Eosine	Chai 500ml	Chai	độ tinh khiết 99,8%, Chai 1 lít	2
111	Hematoxinilin	Chai 500ml	Chai	Dung dịch Hematoxylin đã biến đổi acc thành Gill III cho kính hiển vi	2
112	Giemsa	Chai 500ml	Chai	Thông số kỹ thuật: Nhiệt độ sôi: >65 °C (1013 hPa) Tỷ trọng: 0.99 g/cm3 (20 °C) Giới hạn nổ (Explosion limit): 5.5 – 44 %(V) Methanol Nhiệt độ đánh lửa: 455 °C pH: 6.1 – 7.0 (H ₂ O, 20 °C) (undiluted) Đóng gói: 100 ml, 500 ml Bảo quản: +15°C to +25°C	3
113	Keo dán Lamen	Lọ 118 ml	Lọ	Tinh khiết, chất lượng cao, dạng vảy, nhiệt độ nóng chảy ổn định 55-57oC, dùng trong quá trình xử lý mô và đúc khối mô.	2
114	Toluen	500ml/chai	chai	Chất lỏng không màu. Hàm lượng ≥99,9%	100
115	Acid Acetic	500ml/chai	Chai	Acid acetic hay acid ethanoic, là một chất lỏng không màu, có vị chua với công thức hóa học là CH ₃ COOH. Hóa chất dùng cho xét nghiệm	2
116	Parafin khô	0,9kg/ túi	Túi	Dạng hạt parafin	15
117	Dung dịch HCL	Chai 500ml	Chai	Dùng cho các kỹ thuật giải phẫu bệnh.Chai 500ml	10
118	H2SO4	Lọ 500ml	Lọ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm	10
119	N- Acetyl-L. cystin	Lọ 100g	Lọ	Acetylcystein được dùng làm thuốc tiêu chất nhầy và thuốc giải độc khi quá liều paracetamol	6
120	NaOH	Lọ 500g	Lọ	Hóa chất NaOH độ tinh khiết 99,8%.	8
121	KH ₂ PO ₄	Lọ 500g	Lọ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm	5
122	Na ₂ HPO ₄	Lọ 500g	Lọ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm	10
123	Phenol	Lọ 500ml	Lọ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm	20
124	Tinh thể Natri Citrat	Chai 500 g	Chai	Tinh thể Natri Citrat.	12
125	Dung dịch Formandehyt	Lọ 500ml	Lọ	Dung dịch Formandehyt độ tinh khiết 99,8%. Lọ 500ml	20
126	Muối kali dichromat (K ₂ Cr ₂ O ₇)	500g/lọ	Lọ	Muối kali dichromat (K ₂ Cr ₂ O ₇) làm sạch thủy tinh	10
	Cộng: 17 khoản				
XVI	Test thử				

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
127	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	Hộp 25 test	Test	Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người. Độ nhạy: 96,2-100%, Độ đặc hiệu: 97,9-100%. Không cần dung dịch đệm (lo Buffer). Các mẫu ly giải máu, mẫu mỡ máu, vàng da không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không có phản ứng chéo với các mẫu chứa yếu tố dạng thấp, chứa kháng thể kháng HCV, kháng thể kháng HIV và phụ nữ mang thai. Thành phần hoạt chất chính: Cộng hợp vàng : chất keo vàng – kháng thể kháng HBs đơn dòng chuột ($1\pm 0.2\mu\text{g}$) ; Vạch thử : kháng thể kháng HBs đơn dòng chuột ($4\pm 0.8\mu\text{g}$) ; Vạch chứng: immunoglobulin dễ kháng chuột ($2\pm 0.4\mu\text{g}$); Màng nitrocellulose ($25\pm 5 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$) ; Đệm cộng hợp ($7\pm 1.4 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$) ; Đệm mẫu ($18\pm 3.6 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$) ; Đệm hấp thụ ($18\pm 3.6 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$); Khay nhựa	5500
128	Test nhanh HIV	Hộp 25 test	Test	Phát hiện cả HIV-1 và HIV-2 Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 99.8% Dạng bao chế: Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, túi nhôm Được đánh giá bởi WHO, USAID, được ban hành trong Hướng dẫn Quản Lý, Điều trị và chăm sóc HIV/AIDS của BHYT năm 2015. Hạn sử dụng 24 tháng, bảo quản ở 2-30°C. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, WHO. Thanh thử HIV 1/3.0 bao gồm: -Cộng hợp vàng: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1 gp41, p24, HIV-2gp36- chất keo vàng.....$1\pm 0.2\mu\text{g}$ -Vạch thử 1: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-1(gp41, p24).....$0.625\pm 0.125\mu\text{g}$ -Vạch thử 2: kháng nguyên tái tổ hợp HIV-2(gp36).....$0.5\pm 0.1\mu\text{g}$ -Vạch chứng: huyết thanh dễ kháng HIV.....$0.75\pm 0.15\mu\text{g}$ -Màng nitrocellulose.....$25\pm 5 \times 4.5\pm 0.9\text{mm}$ -Đệm cộng hợp.....$7\pm 1.4 \times 4.5\pm 0.9\text{mm}$ -Đệm mẫu.....$18\pm 3.6 \times 4.5\pm 0.9\text{mm}$ -Đệm hấp thụ.....$18\pm 3.6 \times 4.5\pm 0.9\text{mm}$ Khay nhựa	5500
129	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	Hộp 25 test	Test	Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV sử dụng mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Sử dụng kháng nguyên HCV tái tổ hợp: protein lõi, NS3, NS4, NS5; Thẻ tích mẫu sử dụng là 10μl; Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: 99.4%; Thành phần - Cộng hợp vàng: chất keo vàng – protein A $1\pm 0.2\mu\text{g}$ - Vạch thử: kháng nguyên tái tổ hợp HCV (kháng nguyên lõi, NS3, NS4, NS5) $1.5\pm 0.3\mu\text{g}$ - Vạch chứng: Kháng thể dễ kháng Immunoglobulin người $2\pm 0.4\mu\text{g}$ - Màng Nitrocellulose $25\pm 5 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$ - Cộng hợp $7\pm 1.4 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$ - Đệm mẫu $18\pm 3.6 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$ - Miếng thấm $18\pm 3.6 \times 4.5\pm 0.9 \text{ mm}$ Khay nhựa	4000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
130	Test nhanh kháng nguyên sốt xuất huyết	Hộp 25 test	Test	Phát hiện kháng nguyên virus Dengue NST trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần người. Độ nhạy: 92,4%, Độ đặc hiệu: 98,4% so với RT-PCR. Thể tích mẫu sử dụng: 100µl; Hạn dùng 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Các mẫu có ly giải máu, các mẫu có chứa yếu tố thấp khớp, mỡ máu, chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Giới hạn phát hiện: Type 1 virus Hawaii là 1.95x10 ¹ .375 TCID ₅₀ /ml, Type 2, 910 là 1.95x10 ² .25 TCID ₅₀ /ml và NGC-2 là 3.13x10 ⁵ .125 TCID ₅₀ /ml, Type 3 virus S # 25 là 6.25x10 ⁶ .875 TCID ₅₀ /ml và H87 là 1.56x10 ² TCID ₅₀ /ml, Type 4 814669 là 1.56x10 ¹ TCID ₅₀ /ml và 480 là 1.95x10 ⁰ .75 TCID ₅₀ /ml	50
131	Test nhanh chẩn đoán sốt xuất huyết	Hộp 25 test	Test	Phát hiện và phân biệt kháng thể IgG và IgM kháng các type virus Dengue 1,2,3 và 4. Sử dụng mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. Không có phản ứng chéo với nhóm Flavivirus khác và những bệnh do muỗi truyền. Độ nhạy 94,6%, Độ đặc hiệu 96,5% . Thể tích mẫu sử dụng: 5µl; Các mẫu có ly giải máu, các mẫu có chứa yếu tố thấp khớp, mỡ máu, chứng hoàng đản không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Kit thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C. Giới hạn phát hiện: độ pha loãng 1/256 với mẫu huyết thanh dương tính Dengue IgG mạnh.	50
132	Determin HIV 1/2 3.0	100 test/hộp	Test	- Độ nhạy 100% , - Độ đặc hiệu ≥ 99,75%	100
133	Avanced Quality Rapid Anti- HIV ½	20 test/hộp	Test	- Độ nhạy: 99.47%, Độ đặc hiệu: 99.87%	80
	Cộng :07 khoản				
XVII	Môi trường nuôi cấy vi khuẩn				
134	Thạch Chromagar	10 đĩa/hộp	Đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Môi trường nuôi cấy phân biệt được dùng phân lập vi khuẩn gây nhiễm trùng tiểu.Thành phần: Chromogenic mix (24mg), peptone, yeast and extract (0,4g), Agar (0,36g), nước cất (24ml)	3500
135	Chai cấy máu	10 chai/hộp	Chai	Chai cấy máu hai pha được cấu tạo là chai bằng nhựa Pet với hai phần: •Phần trên là pha đặc với môi trường là BHI agar. •Phần dưới là BHI lỏng có SPS (Sigma) với vai trò kháng đông và ngăn hoạt động bổ thể cũng như một số kháng sinh. Phía trên chai là nắp vận bằng nhựa màu đỏ để mở nắp chai cấy máu để cấy truyền khi đã có dấu hiệu vi khuẩn mọc trong pha lỏng hay trên bề mặt pha đặc. Phía trên nắp vận là nút bằng cao su trung tính để chọc kim tiêm cấy máu vào chai. Ngoài cùng là nắp che bằng nhựa màu xanh lá để bảo vệ phần nút cao su và nắp vận	100

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
136	Dụng dịch pha chế thạch máu	100ml/chai	Chai	Chai bằng nhựa PS có nắp vặn chặt. Kích thước đáy chai 60x40mm, chiều cao 120mm., chứa 100ml máu cừu đã làm tan fibrin, dùng pha chế môi trường thạch máu.	15
137	Bộ nhuộm Gram	Bộ/4 chai 100ml	Bộ	Bộ gồm 4 chai 100ml: Crystal violet, Lugol, Safranin, Alcool. Bộ thuốc nhuộm GRAM dùng để nhuộm vi khuẩn.	24
138	Thạch đổ môi trường	500gam/hộp	Hộp	Bột này dùng để pha ống lưu chủng Vi khuẩn lao có đủ dinh dưỡng cho chủng vi khuẩn	3
139	Môi trường nuôi cấy nhiều vi sinh vật	Hộp 500g	Hộp	Thành phần: Ingredients Gms / Litre HM peptone B# 10.000 Tryptose 10.000 Sodium chloride 5.000 Agar 15.000 Final pH (at 25°C) 7.3±0.2	2
140	Thạch Chocolate Agar	10 đĩa/hộp	Đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi khuẩn khó mọc. Thành phần: Columbia agar, Máu ngựa (1,6ml), Peptone (0,552g), Corn starch (24mg), Sodium Chloride (0,12g), Agar (0,36g), nước cất (24ml)	500
141	Môi trường nuôi cấy nấm (Dextrose Agar)	10 đĩa/hộp	Đĩa	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Ø 90mm. Môi trường nuôi cấy không chọn lọc được dùng phân lập vi nấm. Thành phần: Dextrose (0,96g), Peptone (0,24g), Agar (0,36g), nước cất (24ml)	1
Cộng: 08 khoản					
XVIII	Hóa chất cho máy Vitek 2 Compact hoặc tương đương				
142	Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm	(20 thanh + 20 ống hóa chất)/hộp	Hộp	Thẻ định danh Gram âm sử dụng với máy VITEK 2 để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO	12
143	Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương	(20 thanh + 20 ống hóa chất)/hộp	Hộp	Thẻ định danh Gram dương sử dụng với máy VITEK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương. Thẻ gồm 43 thử nghiệm sinh hóa. Đạt tiêu chuẩn ISO	6
144	Thẻ định danh cho Nấm	(20 thanh + 20 ống hóa chất)/hộp	Hộp	Thẻ định danh nấm men sử dụng với máy VITEK 2 để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men	3
145	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	Hộp 20 thẻ	Hộp	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng với Hệ thống VITEK® 2 để xác định tính nhạy cảm của trực khuẩn Gram âm hiếu khí thường gặp. Mỗi thẻ AST chứa các kháng sinh được chọn có nồng độ khác nhau.	12
146	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	Hộp 20 thẻ	Hộp	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy VITEK 2. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	6

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
147	Thẻ kháng sinh đồ Liên cầu	Hộp 20 thẻ	Hộp	Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus dùng với máy VITEK 2. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	1
148	Thẻ kháng sinh đồ Nấm	Hộp 20 chai x 500 ml	Hộp	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm dùng với máy VITEK 2. Mỗi thẻ chứa các kháng nấm chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	3
149	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng cho máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ Vitek	Hộp 20 chai x 500 ml	Chai	Nước muối 0.45% dùng với máy VITEK 2, pH: 4.5 - 7, là sản phẩm IVD (in vitro diagnostic).	6
150	Ống tuýp 12 x 75 mm pha huyền dịch vi khuẩn	Hộp 2000 ống	Hộp	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2	1
Cộng : 09 khoản					
XIX	Hóa chất dùng cho máy G 600 II (Máy miễn dịch) hoặc tương đương				
151	Hóa chất xét nghiệm CEA-N	3x 14test	Hộp	Sử dụng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi (CEA) trong huyết tương hoặc huyết thanh.	6
152	Hóa chất xét nghiệm CEA-N	1x 2x 1.5ml	Hộp	Sử dụng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi (CEA) trong huyết tương hoặc huyết thanh.	2
153	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn ung thư, dạng đông khô, mức nồng độ 2.	2 ml	Lọ	- Thành phần: huyết thanh người, dạng đông khô - Có thể dùng cho cả xét nghiệm dấu ấn ung thư thường quy và đặc hiệu. - Sau khi hoàn nguyên có thể ổn định 14 ngày ở 2-8 ° C với hầu hết các chất phân tích - Thời hạn sử dụng 3 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở 2-8 °C	2
154	Hóa chất xét nghiệm CYFRA	3x 14test	Hộp	Sử dụng nhằm phát hiện định lượng cytokeratin đoạn tiểu đơn vị 19 (CYFRA) trong huyết thanh người.	6
155	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA	4x 4x 0.5mL	Hộp	Sử dụng trong chuẩn hóa LUMIPULSE G System nhằm định lượng cytokeratin đoạn tiểu đơn vị 19 (CYFRA) trong huyết thanh.	1
156	Hóa chất xét nghiệm BNP	3x 14 test	Hộp	Sử dụng nhằm định lượng peptid natri lợi niệu loại B ở người (BNP) trong huyết tương người. Số đo BNP rất hữu ích trong chẩn đoán suy tim	6
157	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm BNP	2x 3x 0.5mL	Hộp	Để sử dụng trong hiệu chuẩn LUMIPULSE G System nhằm định lượng peptid natri lợi niệu loại B ở người (BNP) trong huyết tương người.	2

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
158	Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim, dạng dung dịch, mức nồng độ 2	3 ml	Lọ	- Thành phần: huyết thanh người, dạng dung dịch - Hạn sử dụng 3 năm kể từ ngày sản xuất khi bảo quản ở -20 ° C đến -70 ° C - Độ ổn định sau khi mở lọ 20 ngày ở 2-8 ° C đối với hầu hết các chất phân tích	3
159	Hóa chất xét nghiệm hs Troponin I	3x 14test	Hộp	Nhằm định lượng và đo độ nhạy cao Troponin-I tim (cTnI) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	6
160	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm hs Troponin I	1x 3x 2.5mL	Hộp	Chuẩn hóa LUMIPULSE G System nhằm định lượng và đo với độ nhạy cao Troponin I tim (cTnI) trong huyết tương hoặc huyết thanh người.	1
161	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho hệ thống Lumipulse	10x 96cái	Hộp	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm dùng cho hệ thống Lumipulse	5
162	Dung dịch cơ chất (LUMIPULSE G600II)	6x50ml	Hộp	Một loại thuốc thử phổ biến được dùng cho phản ứng enzym trong LUMIPULSE G System	1
163	Dung dịch rửa hệ thống G600II và	1x1000mL	Hộp	Sử dụng để rửa LUMIPULSE G System	3
164	Lọc CO2	6x 2ống	Hộp	Sử dụng để ngăn chặn sự hư hỏng của dung dịch Substrate Solution.	2
165	Cartridges trống cho máy miễn dịch G 600 II	Hộp (3 x 14 test)	Hộp	Sử dụng dụng để pha loãng mẫu khi vượt ngưỡng đo, và cho kiểm tra Substrate blank và chất lượng nước. Thành phần: polypropylene.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	1
166	Dung dịch pha loãng mẫu Lumipulse G Specimen Diluent 1	Hộp 4x 80 mL	Hộp	Dùng để pha loãng mẫu trên Hệ thống miễn dịch LUMIPULSE G.Chứa 0,15 M NaCl trong dung dịch đệm Tris có protein (bò) và chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid.Tiêu chuẩn chất lượng: ISO.	1
Cộng: 16 khoản					
XX	Máy huyết học Hemix 3-60 hoặc tương đương				
167	Diluent 3.60	20 lít/thùng	Hộp	Diluent 3.60 được sử dụng bởi máy đếm tế bào máu Marke như là hoá chất pha loãng. Thành phần: Đệm hữu cơ < 0,1 %; Muối natri < 1,0 %; Natrium azide < 0,05 %	40
168	lyse 3.60	500 mL/ lọ	Hộp	Lyse 3.60 được sử dụng bởi máy đếm máy tế bào máu như là 1 hoá chất ly giải Thành phần: Muối Ammonium< 5,0 %	26
169	CleanEZ 3.60	60 ml/lọ	Hộp	CleanEZ 3.60 được sử dụng để rửa sạch máy đếm tế bào máu của SFRI. Thành phần: Chất đệm hữu cơ < 0,5 %; Muối natri < 2,0 %; Proteolytic enzyme < 35%; Chất bảo quản < 0,05 %	6
170	Calibration cho máy huyết học	lọ	lọ	Calibration dùng để chuẩn cho máy huyết học HEMIX-60	1
Cộng: 04 khoản					
XXI	Hóa chất nhuộm huỳnh quang				

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách sản phẩm	Đơn vị tính	Đặc tính kỹ thuật	Số lượng Kế hoạch dự kiến 2025
1	2	3	4	5	6
171	Bộ nhuộm huỳnh quang	1 bộ/hộp	bộ	- Dùng để nhuộm mycobacteria bằng quy trình nhuộm huỳnh quang. - Thuốc nhuộm huỳnh quang có đặc tính phát ra bức xạ nhìn thấy được khi được kích thích bởi ánh sáng cực tím có bước sóng ngắn hơn, - Bộ thuốc thử bao gồm: (công thức tương ứng trên 1 Lit) + 1 chai 250 mL TB Auramine M: Auramine O 2.0g, Phenol USP 4.0g, Glycerine USP 100.0mL, Isopropanol 250.0mL, Nước cất 650.0mL. + 1 chai 250 mL TB Khử màu TM: Axit hydrochloric 5.0mL, Isopropanol 700.0mL, Nước cất 300.0mL. + 1 chai 250 mL TB Potassium Permanganate: Potassium Permanganate 5.0g, Nước cất 1000.0mL. - Nhiệt độ bảo quản: 15 - 30 °C.	300
Cộng: 01 khoản					
Tổng 171 khoản					

